

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

MAI THỊ QUỲNH NGA

**VAI TRÒ CỦA LÂM SẢN NGOÀI GỖ ĐỐI VỚI  
ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI Ở HUYỆN  
ĐỊNH HOÁ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: **Kinh tế Nông nghiệp**  
Mã số: **60-31-10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đỗ Anh Tài**

**THÁI NGUYÊN - NĂM 2012**

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Việt Nam là một nước nông nghiệp truyền thống với trên 70% dân số làm nông nghiệp trong đó một phần lớn diện tích nông lâm nghiệp ở khu vực miền núi, nông nghiệp – nông thôn – nông dân chiếm địa vị quan trọng trong nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Khu vực miền núi nước ta là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số với nguồn lợi và sinh kế phụ thuộc trực tiếp vào tài nguyên thiên nhiên trong đó chủ yếu là tài nguyên rừng và đất rừng.

Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này đang cạn kiệt và suy thoái do áp lực của gia tăng dân số, canh tác nương rẫy, khai thác gỗ vượt trội cho tiêu dùng và sản xuất công nghiệp. Các thay đổi bất lợi này lại càng gây khó khăn cho các nỗ lực xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế miền núi. Đời sống của các cộng đồng dân cư, nhất là cộng đồng các dân tộc thiểu số trên và gần địa bàn rừng vì vậy vẫn còn rất khó khăn. Thử thách lớn cho việc quản lý bền vững tài nguyên rừng và đất rừng vùng miền núi Việt Nam là bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên cùng với việc giảm nghèo cho người dân địa phương.

Lâm sản ngoài gỗ bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật khác gỗ, được khai thác từ rừng, đất rừng và cây ở rừng. Nhiều loại lâm sản ngoài gỗ được sử dụng cho sản xuất và đời sống của người dân. Hàng trăm nghìn tấn tre nứa được sử dụng trong ngành chế biến bột và giấy, hàng chục nghìn tấn cây thuốc được sử dụng mỗi năm... Lâm sản ngoài gỗ còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ năm 2008 gần 400 triệu USD, bằng gần 20% tổng giá trị xuất khẩu đồ gỗ. Khai thác, chế biến lâm sản ngoài gỗ đã thu hút hàng trăm nghìn lao động, chủ yếu là ở nông thôn, miền núi góp phần đáng kể vào xoá đói, giảm nghèo ở các địa phương có rừng và đất rừng. Thường vào những vụ nông nhàn, giáp hạt người dân hay vào rừng thu hái lâm sản để kiếm tiền mua lương thực và hàng tiêu dùng và trang trải chi phí thuốc men, học

hành cho con trẻ. Ngoài ra lâm sản ngoài gỗ còn là nguồn cung cấp thực phẩm hàng ngày cho hộ gia đình: măng, rau rừng... Do đó phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ là góp phần xoá đói, giảm nghèo vùng dân tộc, miền núi và bảo vệ phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng, cải thiện đời sống cho người dân góp phần phát triển nền kinh tế đất nước.

Định Hóa là một huyện miền núi nằm về phía Tây-Bắc của tỉnh Thái Nguyên với dân số năm 2010 là 87.722 người, tổng diện tích đất tự nhiên là 51.351 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 27.548 ha chiếm 53,68%, diện tích đất nông nghiệp chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích đất tự nhiên của huyện (21%). Tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp đã và đang là nguồn sống quan trọng của người dân trong huyện do bởi diện tích đất nông nghiệp hạn chế. Tuy nhiên việc khai thác và sử dụng các nguồn lực của người dân vẫn chưa tốt, để có định hướng tốt cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn trên địa bàn những vấn đề cần làm rõ là: hiện trạng phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn của huyện Định Hoá ra sao? Những nguồn lực chủ yếu nào nhằm phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn? Đó là một số vấn đề đặt ra cần được các nhà khoa học nghiên cứu và giải đáp.

Để góp phần nghiên cứu và giải đáp những vấn đề trên, tôi lựa chọn đề tài: **“Vai trò của lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống người dân miền núi ở huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên”** là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho mục tiêu phát triển kinh tế các vùng đồi núi nói chung, phát triển nông nghiệp nông thôn trên cơ sở phát huy lợi thế của vùng nói riêng.

## **2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Hệ thống hoá về vai trò của lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống của người dân miền núi và đề xuất được những giải pháp phát triển có hiệu quả

lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao đời sống cho người dân miền núi ở huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Phân tích thực trạng về hiệu quả kinh tế của lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống của người dân miền núi ở Định Hoá - Thái Nguyên.

- Xác định mối tương quan giữa hiệu quả kinh tế trong khai thác, sử dụng, chế biến, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống người dân miền núi ở Định Hoá - Thái Nguyên.

- Dự báo và đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao đời sống của người dân miền núi ở Định Hoá trên cơ sở phát triển lâm sản ngoài gỗ.

## **3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

- Lâm sản ngoài gỗ đối và đời sống người dân miền núi huyện Định Hoá.
- Mối quan hệ giữa giá trị kinh tế của lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống của người dân miền núi ở Định Hoá.

## **4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

- Về nội dung: Nghiên cứu về đời sống người dân miền núi sống ở khu vực huyện Định Hoá.

- Về không gian: Tiến hành điều tra, đánh giá hiệu quả lâm sản ngoài gỗ tại 3 xã thuộc huyện Định Hoá - Tỉnh Thái Nguyên.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu được tiến hành trong trong thời gian từ năm 2009 - năm 2011, số liệu khảo sát thực trạng được điều tra năm 2011.

## **5. Ý NGHĨA KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

Việc áp dụng các phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá thực trạng của việc quản lý và khai thác lâm sản ngoài gỗ, vai trò của nó đối với đời sống kinh tế của người dân tại khu vực huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên sẽ cung cấp các thông tin hữu ích đối với các cơ quan quản lý, các nhà hoạch định chính sách và người dân trong quản lý, khai thác và sử dụng các sản

phẩm lâm sản ngoài gỗ từ rừng và phát triển đời sống người dân trên cơ sở phát huy lợi thế của vùng.

## **6. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN**

### **Phần mở đầu**

*Chương 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu*

*Chương 2: Thực trạng về vai trò của lâm sản ngoài gỗ đối với đời sống người dân miền núi ở Huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên.*

*Chương 3: Phương hướng và những giải pháp chủ yếu phát triển lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao đời sống của người dân miền núi huyện Định Hoá - tỉnh Thái Nguyên.*

### **Kết luận**

## CHƯƠNG I

### TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

##### 1.1.1. Cơ sở lý luận

###### 1.1.1.1. Khái niệm về đời sống người dân

###### a/ Khái niệm về đời sống người dân

Đời sống người dân là tổng thể các hiện tượng phát sinh do sự tác động lẫn nhau của các chủ thể cộng đồng tồn tại trong những không gian và thời gian nhất định, là tổng thể hoạt động nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người.

###### b/. Cơ sở của đời sống người dân

Bản chất của đời sống người dân là thoả mãn các nhu cầu đòi hỏi của mỗi người dân (gồm nhu cầu vật chất và tinh thần):

- Nhu cầu sinh lý: là những đòi hỏi về vật chất nhằm đảm bảo tồn tại và phát triển của con người. Đó là nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại...

- Nhu cầu về an toàn: đó là các nhu cầu nhằm ổn định cuộc sống

- Nhu cầu xã hội: là nhu cầu giao tiếp xã hội để mỗi cá nhân thể hiện vị trí, vị thế, vai trò xã hội của mình.

- Nhu cầu cần tôn trọng: nhu cầu muốn người khác nhận biết về mình

- Nhu cầu tự khẳng định.

###### c/ Vai trò của đời sống

- Nghiên cứu đời sống người dân cho ta thấy rõ được sự phát triển của xã hội ở mức độ nào trong việc đảm bảo sự phồn vinh và hạnh phúc cho nhân dân.

- Đời sống người dân là bằng chứng hiển nhiên để khẳng định tính chất đúng đắn, cấp tiến của đường lối và các chính sách kinh tế, văn hoá xã hội.

- Đời sống người dân có vai trò lớn đối với sự ổn định và phát triển đất nước.

- Đòi sống người dân còn đảm bảo sức khỏe, sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân đảm bảo cho sự hoạt động có hiệu quả của mỗi người dân, cho sự phảảntiên toàn diện của mỗi người dân trong xã hội.

d/ Những chỉ tiêu đánh giá đời sống người dân

- Các chỉ tiêu phản ánh mức sống gồm có:

- + Mức thu nhập bình quân đầu người
- + Diện tích nhà ở bình quân đầu người
- + Mức tiêu dùng một số loại sản phẩm có giá trị trên 10.000đ

- Các chỉ tiêu dịch vụ:

- + Y bác sĩ trên vạn dân
- + Số giường bệnh trên vạn dân
- + Số trẻ em đi học trong tổng số trẻ em ở độ tuổi đi học
- + Số tốt nghiệp đại học trên vạn dân

e/ Các yếu tố của đời sống xã hội

*\*/ Phát triển kinh tế*

- Khái niệm hoạt động kinh tế: là tổng thể các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất và dịch vụ xã hội nhằm thoả mãn nhu cầu của người dân. Nó là nền tảng cơ bản đảm bảo đời sống người dân và sự phát triển xã hội. Hoạt động kinh tế thoả mãn nhu cầu lao động, tạo ra thu nhập để đảm bảo đời sống cho nhân dân, đây là cơ sở để đảm bảo cho ổn định đất nước.

- Cơ sở phát triển kinh tế: là các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.

- Tác động của kinh tế đến đời sống nhân dân

+ Sự phát triển sản xuất và dịch vụ đã làm cho đời sống ngày càng văn minh, con người ngày càng hưởng được nhiều sản phẩm và dịch vụ, thoả mãn ngày càng cao nhu cầu của mình, hay có thể nói mức sống ngày càng cao.

+ Sự phát triển sản xuất và dịch vụ đã làm cho phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc, hình thành các đô thị lớn, cá khu công nghiệp và và

các trung tâm du lịch và dịch vụ lớn làm cho đời sống người dân ngày càng phong phú hơn, đa dạng ở trình độ cao hơn.

+ Sự phát triển sản xuất và dịch vụ đã tác động lớn vào các di sản lịch sử xã hội để củng cố và phát triển và nâng lên một tầng cao mới những di sản, truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã kết tinh qua hàng vạn đời.

+ Sự phát triển sản xuất và dịch vụ đã tạo ra thu nhập cao của mỗi người, giúp cho họ không hững hờ mãi ngày càng cao những nhu cầu của mình mà còn phát triển hoàn thành nhân cách của họ.

+ Sự phát triển sản xuất và dịch vụ đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và sinh thái.

*\* Giáo dục và đào tạo*

Là một thiết chế xã hội, biểu hiện là hệ thống giáo dục nhà trường, giáo dục nhằm nâng cao dân trí, thiết lập nhân cách và năng lực lao động cho công dân.

*\* Văn học nghệ thuật*

*1.1.1.2. Khái niệm và phân loại về lâm sản ngoài gỗ*

*a/ Khái niệm về lâm sản ngoài gỗ (LSNG)*

Cùng với lịch sử phát triển loài người, các sản phẩm của rừng cũng ngày càng đa dạng và phong phú. Thời kỳ đầu con người chủ yếu sống bằng phương thức săn bắn hái lượm, rừng đã cung cấp các loại hoa quả, động vật làm thức ăn để nuôi sống loài người, là nơi trú ngụ của loài người. Sau này, loài người đã biết sử dụng gỗ để làm nhà, lá làm mái lợp, dây buộc... Đến thời kỳ công nghiệp hoá, gỗ được khai thác ồ ạt và người ta chỉ chú trọng đến sản phẩm gỗ còn các sản phẩm khác bị bỏ qua hoặc bị coi là thứ yếu “phụ”. Không chỉ cây gỗ mới tạo nên cấu trúc rừng mà các thành phần khác như dây leo, thực vật ngoại tầng, bì sinh, lớp cây bụi thảm tươi... có vai trò hết sức quan trọng để bảo vệ và giữ cân bằng cho hệ sinh thái. Rừng không chỉ cung



cấp gỗ mà còn có khả năng cung cấp cho loài người nhiều sản phẩm khác đa dạng và dễ sử dụng. Vậy thì ngoài gỗ ra thì các lâm sản ngoài gỗ là gì.

Theo W.W.F – trong tài liệu (The Economic value of Non timber Foest products in Southeast Asia.1989): “*Sản phẩm ngoài gỗ bao hàm tất cả các vật liệu sinh học khác gỗ, được khai thác từ rừng tự nhiên phục vụ mục đích của con người. Bao gồm các loại thực phẩm, dược liệu, hương liệu, tinh dầu, nhựa cây, keo dính, nhựa mủ, tanin, thuốc nhuộm, cây cảnh, động vật hoang dã, nguyên liệu thô và củi, song mây, tre nứa, gỗ nhỏ và sợi*”.

Trong hội nghị các chuyên gia Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) của các nước vùng Châu Á, Thái Bình Dương, họp tại Bangkok, Thái Lan từ ngày 5-8/11/1991 đã thông qua định nghĩa về LSNG như sau:

*Lâm sản ngoài gỗ (Non – wood forest products) bao gồm tất cả các sản phẩm cụ thể, có thể tái tạo, ngoài gỗ, củi và than. Lâm sản ngoài gỗ được khai thác từ rừng, đất rừng hoặc từ các cây thân gỗ.*

Gần đây J.H.De Beer (1996) tác giả của nhiều tài liệu lâm sản ngoài gỗ, trong đó có tài liệu “Phân tích ngành lâm sản ngoài gỗ Việt Nam” tháng 7/2000 là một ấn phẩm của dự án “Sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ” đã đưa ra định nghĩa về lâm sản ngoài gỗ như sau:

*Lâm sản ngoài gỗ (Non – timber forest products) bao gồm các nguyên liệu có nguồn gốc sinh vật, không phải từ gỗ, được khai thác từ rừng để phục vụ con người. Chúng bao gồm thực phẩm, thuốc, gia vị, tinh dầu, nhựa, mủ, ta nanh, thuốc nhuộm, cây cảnh, động vật hoang dã (động vật sống hay các sản vật của chúng), củi và các nguyên liệu thô như tre nứa, song mây, gỗ nhỏ và sợi.*

Hội nghị do FAO (Tổ chức lương nông thế giới) đã đưa ra định nghĩa về lâm sản ngoài gỗ như sau:

\* Lâm sản ngoài gỗ là tất cả những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật không kể gỗ, cũng như những dịch vụ có được từ rừng và đất rừng (dịch vụ: là những hoạt động từ du lịch sinh thái, làm dây leo, thu gom nhựa và các hoạt động liên quan đến thu hái và chế biến các sản vật này (FAO, 1995)

\* Lâm sản ngoài gỗ là các sản phẩm nguồn gốc sinh vật, loại trừ gỗ lớn có ở rừng, ở đất rừng và ở các cây bên ngoài rừng (FAO, 1999).

Lâm sản ngoài gỗ bao gồm tất cả các sản phẩm sinh vật (trừ gỗ tròn công nghiệp, gỗ làm dăm, gỗ làm bột giấy) có thể lấy ra từ hệ sinh thái tự nhiên, rừng trồng được dùng trong gia đình, mua bán hoặc có ý nghĩa tôn giáo, văn hoá xã hội hoặc xã hội. Việc sử dụng hệ sinh thái cho mục đích giải trí, bảo tồn thiên nhiên, quản lý vùng đệm thuộc về lĩnh vực dịch vụ của rừng (Wickens, 1991).

Lâm sản ngoài gỗ bao hàm nhiều loài cây rừng cho các sản phẩm tự nhiên ngoài gỗ đó là cây cho đặc sản. Các sản phẩm tự nhiên đó có thể được sử dụng trực tiếp như một số loài cây cho thuốc, cây cho quả hoặc làm thức ăn gia súc nhưng phần lớn phải qua gia công chế biến như cây cho nguyên liệu, giấy sợi, cây cho cao su, cho dầu... (Lê Mộng Chân – 1993).

Các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ này sẽ ngày càng tăng lên do sự tìm tòi, phát hiện giá trị của chúng để phục vụ cuộc sống loài người, chúng gồm các sản phẩm chưa qua chế biến hoặc không qua chế biến.

**Tóm lại:** lâm sản ngoài gỗ bao gồm tất cả các vật liệu sinh học khác gỗ được khai thác từ rừng (cả rừng tự nhiên và rừng trồng) phục vụ mục đích của con người. Bao gồm các loài thực vật, động vật dùng làm thực phẩm, làm dược liệu, tinh dầu, nhựa sáp, nhựa dính, nhựa dầu, cao su, tanin, màu nhuộm, chất béo, song mây, tre nứa, cây cảnh, nguyên liệu giấy, sợi...

b/ Phân loại lâm sản ngoài gỗ